|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS HOÀNG VĂN THỤ**  **Họ và tên:** ………………………………  **Lớp:** ……………… | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**  **Năm học 2021 - 2022**  **Môn: Công nghệ 8**  ***(****Thời gian làm bài: 45 phút)* |

**I. Trắc nghiệm: (5 điểm)**

***Câu 1. Khối đa diện nào được bao bởi hai mặt đáy là hình đa giác đều bằng nhau và các mặt bên là các hình chữ nhật bằng nhau?***

A. Hình chóp đều. B. Hình nón C. Hình lăng trụ đều D. Hình trụ

***Câu 2. Hình chiếu cạnh của hình nón có hình dạng là***

A. hình tam giác cân B. hình thang cân C. hình tròn D.hình chữ nhật

**Câu 3.** ***Khi chiếu một vật thể lên một mặt phẳng, hình nhận được trên mặt phẳng đó gọi là***

A. vật chiếu B. hình chiếu C. mặt phẳng chiếu D. vật thể

***Câu 4. Cạnh che khuất, đường bao che khuất được vẽ bằng nét gì?***

A. Nét gạch chấm. B. Nét liền đậm. C. Nét liền mảnh. D. Nét đứt.

***Câu 5. Vật nào sau đây có dạng khối đa diện?***

**A.**  Kim tự tháp **B.**  Viên bi **C.**  Lon sữa **D.**  Cái nón lá.

***Câu 6. Vật nào sau đây có dạng khối tròn xoay?***

**A.**  Kim tự tháp **B.**  Hộp phấn **C.**  Tủ lạnh **D.**  Cái nón lá.

***Câu 7. Hình chiếu trên mặt phẳng song song với trục quay của hình trụ là***

**A.** tam giác vuông **B.**  tam giác cân **C.**  hình chữ nhật **D.** hình tròn

***Câu 8. Hình cắt là hình biểu diễn phần vật thể....***

A. tiếp xúc với mặt phẳng cắt. B. ở sau mặt phẳng cắt.

C. ở trước mặt phẳng cắt. D. bị cắt làm đôi.

***Câu 9. Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là***

A. Khung tên → Kích thước→ Hình biểu diễn → Yêu cầu kỹ thuật → Tổng hợp

B. Khung tên → Hình biểu diễn → Yêu cầu kỹ thuật → Kích thước → Tổng hợp

C. Khung tên → Hình biểu diễn → Kích thước → Yêu cầu kỹ thuật→ Tổng hợp

D. Khung tên → Yêu cầu kỹ thuật → Kích thước → Hình biểu diễn → Tổng hợp

***Câu 10. Qui ước vẽ vòng chân ren như sau***

A. Vẽ đóng kín bằng nét liền đậm B. Vẽ đóng kín bằng nét liền mảnh

C. Vẽ hở ¾ vòng bằng nét liền đậm D. Vẽ hở ¾ vòng bằng nét liền mảnh

***Câu 11. Vật dụng nào sau đây có dạng ren ngoài?***

A. Đai ốc B. Bulong C. Chuôi đèn D. Nắp chai

***Câu 12. Trong bảng kê của bản vẽ lắp ghi nội dung gì?***

A. Tên gọi, số lượng chi tiết. B. Kích thước chung các chi tiết.

C. Tỉ lệ bản vẽ. D. Các yêu cầu về gia công, xử lý bề mặt

***Câu 13. Phát biểu nào sau đây sai khi nói về mối ghép động?***

A. Các chi tiết có thể xoay

B. Các chi tiết có thể trượt

C. Các chi tiết có thể ăn khớp với nhau

D. Các chi tiết không có chuyển động tương đối với nhau

***Câu 14. Trong các mối ghép sau,mối ghép nào là mối ghép cố định?***

A. Trục vít B. Ổ trục C. Đinh tán D. Bản lề

***Câu 15. Trong những vật dụng sau, vật dụng nào có mối ghép động?***

A. Nắp vung, bản lề của B. Phích cắm, bản lề cửa

C. Phích cắm, thạ tủ D. Bản lề cửa, thạ tủ

**II. Tự luận: (5 điểm)**

**Câu 1: (2 điểm)**

a. Thế nào là bản vẽ lắp? Bản vẽ lắp dùng để làm gì?

b. So sánh nội dung của bản vẽ lắp với bản vẽ chi tiết?

**Câu 2: (1 điểm)** Chi tiết máy là gì? Gồm những loại nào? Cho ví dụ minh họa?

**Câu 3: (1 điểm)** Mối ghép bằng đinh tán được hình thành như thế nào? Nêu ứng dụng của mối ghép trong thực tế?

**Câu 4: (1 điểm)** Bạn Hùng lớp 8A có một vật thể như hình A

Hãy vẽ các hình chiếu đứng, hình chiếu bằng và hình chiếu cạnh của vật thể đúng kích thước trên bản vẽ

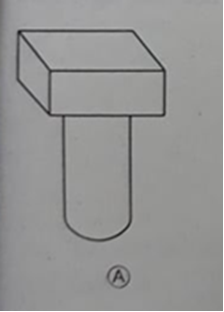
**BÀI LÀM**

4 cm

1 cm

Ø 2 cm

3 cm



4 cm

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM**

**I. Trắc nghiệm: (5 điểm)**

**Mỗi câu đúng 0,33 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
| **Đáp án** | **C** | **A** | **B** | **D** | **A** | **D** | **C** | **B** | **C** | **D** | **B** | **A** | **D** | **C** | **D** |

**II. Tự luận: (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **1**  **2đ** | \* Khái niệm công dụng của bản vẽ lắp  - Bản vẽ lắp là bản vẽ dùng để diễn tả hình dạng , cấu trúc sản phẩm và vị trí tương qua giữa các chi tiết máy của sản phẩm.  - Dùng trong thiết kế , lắp ráp và sử dụng sản phẩm  \* So sánh bản vẽ lắp và bản vẽ chi tiết :  Giống : Bản vẽ lắp và bản vẽ chi tiết đều có hình biểu diễn, kích thước, khung tên.  Khác :  - BVCT: có yêu cầu kĩ thuât khi gia công và xử lí bề  mặt, có các kích thước dùng để chế tạo chi tiết.  - BVL : có bảng kê các chi tiết, có ghi kích tước dùng để lắp ráp các chi tiết thành sản phẩm hoàn chỉnh. | **0,5đ**  **0,5đ**  **0,5 đ**  **0,25đ**  **0,25đ** |
| **2**  **1đ** | - Chi tiết máy là phần tử có cấu tạo hoàn chỉnh và thực hiện một nhiệm vụ nhất định trong máy.  - Chi tiết máy chia làm 2 nhóm:  + Nhóm chi tiết có công dụng chung: được sử dụng cho nhiều loại máy.  VD: bulong, đaiốc, bánh răng…  + Nhóm chi tiết có công dụng riêng: Được dùng cho một loại máy nhất định.  VD: Khung xe đạp, lưỡi cưa, kim máy khâu… | **0,5đ**  **0,25đ**  **0,25đ** |
| **3**  **1đ** | Mối ghép bằng đinh tán được hình thành như sau:  Bước 1: Tạo lỗ trên chi tiết được ghép.  Bước 2: Luồn thân đinh tán qua lỗ của các chi tiết được ghép.  Bước 3: Dùng búa tán đầu còn lại thành mũ.  Ứng dụng:  Dùng trong kết cấu cầu,giàn cần trục,các vật dụng gia đình như: xoong nồi... | **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ** |
| **4**  **1đ** | - Biểu diễn các hình chiếu đúng hình dạng.  - Đúng kích thước.  - Đúng vị trí | **1đ** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I Năm học 2021-2022**

**Môn Công nghệ 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | | | | | **Tổng** |
| **Cấp độ thấp** | | **Cấp độ cao** | | | | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | | | **TL** |
| **ND 1: Bản vẽ các khối hình học- vai trò của bản vẽ kĩ thuật.** | - Biết được bản vẽ hình chiếu của một số khối đa diện, khối tròn xoay thường gặp. | | - Hiểu được khái niệm hình chiếu, vị trí các hình chiếu  - Quy ước vẽ cạnh thấy, cạnh khuất của các hình chiếu  - Nhận dạng các khối đa diện, khối tròn xoay | | - Đọc được bản vẽ khối đa diện, khối tròn xoay.  - Vẽ các hình chiếu của vật thể đơn giản | |  | | | | |  |
| **Số câu**  **Điểm** | **2**  **0,67đ** |  | **4**  **1,33đ** |  | **1**  **0,33đ** | **1**  **1đ** |  |  | | | | **8**  **3,33đ** |
| **ND 2 : Bản vẽ kĩ thuật** | - Biết được khái niệm và công dụng của hình cắt.  - Biết được các nội dung về bản vẽ chi tiết; cách đọc bản vẽ chi tiết đơn giản  - Biết được khái niệm và công dụng của của bản vẽ lắp | | - Nhận dạng được ren và quy ước vẽ ren trong bản vẽ | | - Đọc được một số bản vẽ kĩ thuật đơn giản. | |  | | | | |  |
| **Số câu**  **Điểm** | **2**  **0,67đ** | **1**  **2đ** | **2**  **0,67đ** |  | **1**  **0,33đ** |  |  | | |  | | **6**  **2,67đ** |
| **ND 3 : Cơ khí** | - Biết được các kiểu lắp ghép của chi tiết máy.  - Biết được cấu tạo,đặc điểm và ứng dụng của một số mối ghép cố định, mối ghép động. | | - Hiểu được khái niệm và phân loại chi tiết máy. | | - Liên hệ thực tế về những đồ vật có mối ghép cố định, mối ghép động. | |  | | | | |  |
| **Số câu**  **Điểm** | **2**  **0,67đ** | **1**  **1đ** |  | **1**  **1đ** | **1**  **0,33đ** |  |  | |  | | | **5**  **4đ** |
| **Tổng số câu**  **Điểm**  **Tỉ lệ** | **8**  **5đ**  **50%** | | **7**  **3đ**  **30%** | | **4**  **2đ**  **20%** | |  | | | | | **19**  **10đ**  **100%** |